

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS - ST
Ngày: 09 tháng 10 năm 2018
“*V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh –Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về “***Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST - DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT**

Địa chỉ: 266-268 NKKN, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông *Nguyễn Quốc T* – Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT - Chi nhánh Gia Lai

Địa chỉ: 38 NTT, phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Theo các Giấy ủy quyền số 4213/2017/GUQ – PL ngày 28/12/2017 và Giấy ủy quyền số 429/2018/UQ - TTT ngày 09/3/2018)

Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Phạm Hồng H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 02, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018, bản tự khai ngày 09/3/2018, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT, ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ngày 29/5/2014, anh Phạm Hồng H có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho 02 loại hình Thẻ tín dụng Visa Classic và Family Local. Căn cứ vào thu nhập của anh H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh H đã thực hiện các giao dịch trên 02 thẻ với tổng số tiền là 60.320.000 đồng (Trong đó thẻ Visa classic là 20.000.000 đồng, thẻ Family Local là 40.320.000 đồng)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 48.154.000 đồng (Thanh toán cho các khoản theo Điều 20 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/8/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc ông Phạm Hồng H thanh toán số tiền 48.403.307 (Bốn mươi tám triệu bốn trăm lẻ ba nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng trong đó nợ gốc là 20.602.001 đồng và lãi quá hạn đến ngày 09/10/2018 là 27.801.306 đồng, tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với bị đơn anh Phạm Hồng H:

Anh Phạm Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh H trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT nhưng anh Phạm Hồng H không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Thời hạn chuẩn bị

xét xử không được bảo đảm. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh Phạm Hồng H, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT, anh Phạm Hồng H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền 48.403.307 (Bốn mươi tám triệu bốn trăm lẻ ba nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng trong đó nợ gốc là 20.602.001 đồng và lãi quá hạn đến ngày 09/10/2018 là 27.801.306 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Bị đơn anh Phạm Hồng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Do anh Phạm Hồng H không thanh toán Số tiền tối thiểu của Chủ thẻ theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tranh chấp phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT hay còn gọi là Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với anh Phạm Hồng H nên đây là Tranh chấp Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Các bên giao kết hợp đồng thỏa thuận khi tranh chấp sẽ được đưa ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật Việt Nam, bị đơn anh Phạm Hồng H cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ, theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Phạm Hồng H tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Hồng H.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/9/2014 anh Phạm Hồng H đề nghị cấp Thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng cho 02 loại hình Thẻ tín dụng Visa Classic và Family Local. Trên cơ sở mức lương của anh Phạm Hồng H tự kê khai, ngày 12/6/2014 Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh Gia Lai đã phê duyệt hạn mức cấp tín dụng đối với chủ thẻ Phạm Hồng H là 20.000.000 đồng cho 02 thẻ tín dụng; đơn vị phát hành thẻ hay tổ chức phát hành thẻ là Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT là tổ chức tín dụng có quyền cấp tín dụng thông qua hình thức Thẻ tín dụng; mục đích sử dụng Thẻ vào việc tiêu dùng cá nhân. Như vậy hợp đồng giao kết trên cơ sở tự nguyện, đối tượng, mục đích, chủ thể phù hợp quy định của pháp luật nên hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng có hiệu lực

Hai thẻ tín dụng Visa Classic và Family Local có hạn mức tối đa là 20.000.000 đồng với cách thức: mỗi thẻ đều có thể thực hiện giao dịch tối đa 20.000.000 đồng nhưng nếu thẻ này đã thực hiện xong các giao dịch với tổng số tiền tối đa 20.000.000 đồng thì thẻ còn lại không thể thực hiện được bất kỳ giao dịch nào khác và thực hiện giao dịch trên thẻ nào sẽ tính lãi theo quy định đối với loại thẻ đó. Đối với hình thức vay bằng thẻ tín dụng thì anh H sẽ được thực hiện giao dịch rút tiền nhiều lần trên thẻ nếu số dư trên tài khoản đảm bảo hạn mức tối đa là 20.000.000 đồng. Theo cách thức như vậy thì trên Thẻ tín dụng Family Local 970403 – 3224 anh H đã thực hiện rút tiền mặt 03 lần với tổng số tiền 40.320.000 đồng đồng thời đã thanh toán được tính đến ngày xét xử 09/10/2018 là 34.964.000 đồng đồng thời trên Thẻ tín dụng Visa Classic anh H đã thực hiện rút tiền mặt 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng và đã thanh toán 13.190.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 05/10/2014, anh H đã thực hiện giao dịch rút tiền mặt trên 02 thẻ là 20.000.000 đồng với 10.000.000 đồng mỗi thẻ, kể từ thời điểm rút tiền anh H được mặc định nợ Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc. Quá trình sử dụng Thẻ tín dụng anh H đã thanh toán vào từng tháng với tổng số tiền là 48.154.000 đồng để trả gốc, tiền lãi và các loại phí phát sinh trong tháng, sau đó số tiền còn lại được chuyển nợ sang tháng sau. Như vậy tính đến thời điểm ngày 05/9/2015 thì nợ gốc mà anh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT là 10.321.015 đồng đối với Thẻ Visa Classic và 10.280.986 đồng đối với Thẻ Family Local.

Do anh Phạm Hồng H liên tiếp nhiều tháng không thanh toán Số tiền tối thiểu theo thông báo của kỳ trước nên ngày 06/8/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng. Lãi suất do các bên thỏa thuận tuân thủ quy định về mức lãi của Ngân hàng Nhà nước và chính sách của Ngân hàng thương mại SGTT nên được xác định là căn cứ tính lãi. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút nên anh Phạm Hồng H có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho đến ngày xét xử 09/10/2018 và tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong các khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT yêu cầu anh Phạm Hồng H thanh toán số tiền 23.202.310 (Hai mươi ba triệu hai trăm lẻ hai nghìn ba trăm mười) đồng trong đó nợ gốc là 10.321.015 đồng và lãi quá hạn đến ngày 09/10/2018 12.881.295 đồng đối với Thẻ Visa Classic và 25.200.997 (Hai mươi lăm triệu hai trăm chín trăm chín mươi bảy) đồng trong đó nợ gốc là 10.280.986 đồng và lãi quá hạn đến ngày 09/10/2018 14.920.011 đồng đối với Thẻ Family Local. Tổng cộng là 48.403.307 (Bốn mươi tám triệu bốn trăm lẻ ba nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng trong đó nợ gốc 20.602.001 đồng và lãi quá hạn đến ngày 09/10/2018 là 27.801.306 đồng. Xét yêu cầu này phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật nên cần buộc anh Phạm Hồng H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được chấp nhận nên anh Phạm Hồng H phải chịu án phí: $48.403.307 \text{ đồng} \times 5\% = 2.420.165$ (Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 122, 280, 281, 283, 294 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2011;
- Căn cứ các Điều 4; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 2 Điều 97, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT về việc yêu cầu anh Phạm Hồng H thanh toán nợ.

Buộc anh Phạm Hồng H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền 48.403.307 (Bốn mươi tám triệu bốn trăm lẻ ba nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng trong đó nợ gốc 20.602.001 đồng và lãi quá hạn đến ngày 09/10/2018 là 27.801.306 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Về án phí: Anh Phạm Hồng H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.420.165 (Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.053.236 (Một triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm ba mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền số 0003335 ngày 20/3/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng anh Phạm Hồng H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

Võ T

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA